

**PHỤ LỤC I**  
**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT**  
**SỬA ĐỔI & BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

(Dựa theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017, hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2017 và thông tư 95/2017/TT-BTC ban hành ngày 22/9/2017, hiệu lực kể từ ngày 6/11/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71; thay thế cho thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng)

**Tóm lược các nội dung sửa đổi, bổ sung:**

STT	Điều khoản	Điều lệ hiện hành		Tham chiếu (NĐ71)
		Các nội dung thay đổi	Thay đổi/ Bổ sung	
1	Điều 1 khoản 1	Định nghĩa	Sửa đổi + bổ sung	Điều 2 - khoản 9
2	Điều 2 khoản 3	Số điện thoại và fax	Sửa đổi	Cập nhật đầu số mới
3	Điều 3 khoản 1	Lĩnh vực kinh doanh	Bổ sung	Thêm ngành nghề mới
4	Điều 14 khoản 2	Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	Sửa đổi	Khoản 2 điều 12
5	Điều 15 khoản 2	Ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi	Theo điều lệ mẫu – TT 95
6	Điều 17 khoản 2	Triệu tập ĐHĐCĐ	Bổ sung	Khoản 1 điều 8
7	Điều 21 khoản 1	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung	Thuận tiện cho vận hành
8	Điều 24 khoản 1,3,5	Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT	Sửa đổi	Khoản 1 điều 13 Khoản 1 điều 11 Khoản 3 điều 12
9	Điều 25 khoản 3	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	Sửa đổi & bổ sung	Khoản 4 điều 15
10	Điều 26 khoản 1	Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa đổi	Khoản 2 điều 12
11	Điều 27 khoản 3,8	Các cuộc họp của HĐQT	Sửa đổi	Khoản 4 điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014

12	Chương VIII	<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	Sửa đổi	Thêm khái niệm Người phụ trách quản trị công ty
13	Điều 29 khoản 3	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	Bổ sung	Luật doanh nghiệp 2014
14	Điều 30	Thư ký công ty	Sửa đổi + bổ sung	Điều 18
15	Điều 31 khoản 1	Thành viên Ban kiểm soát	Sửa đổi	Điều 20 khoản 1,2,4
16	Điều 32 khoản 1,2	Ban kiểm soát	Sửa đổi	Bổ sung vai trò của Người phụ trách quản trị công ty Cập nhật Luật Doanh nghiệp 2014
17	Chương X	<b>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	Sửa đổi tiêu đề	Sửa NHIỆM VỤ thành TRÁCH NHIỆM để phù hợp với nội dung
18	Điều 34	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi + bổ sung	Điều 24 khoản 1,5 + điều 26
19	Điều 44 khoản 3,4	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	Sửa đổi + bổ sung	Phù hợp với thực tế

**Chi tiết nội dung sửa đổi:**

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
<b>1</b>	<b>Điều 1. Khoản 1: Định nghĩa</b>		
	Chưa có dẫn chiếu đến Luật chứng khoán	Bổ sung: c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	
	e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.	f."Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, <b>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</b>	<b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b> 9. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
<b>2</b>	<b>Điều 2 khoản 3: Trụ sở đăng ký của công ty</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>o Điện thoại: (84 - 4) 3827 6490/1</li> <li>o Fax: (84 - 4) 3827 6492</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>o Điện thoại: <b>(84 - 24) 3827 6490/1</b></li> <li>o Fax: <b>(84 - 24) 3827 6492</b></li> </ul>	Cập nhật đầu số mới của Hà Nội
<b>3</b>	<b>Điều 3 khoản 1: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty</b>		
	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty	Bổ sung: - Thực hiện quyền xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ (bao gồm cả quyền phân phối) các sản phẩm sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vải, các sản phẩm dệt, hàng may sẵn, quần áo và các đồ dùng khác cho gia đình;</li> <li>• Thảm, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn bằng mọi chất liệu;</li> <li>• Vali, cặp, túi, ví bằng mọi chất liệu;</li> <li>• Mỹ phẩm, nước hoa, chế phẩm vệ sinh;</li> <li>• Đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện, các đồ dùng trang trí và đồ dùng gia đình khác chưa</li> </ul>	Mở rộng ngành nghề kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
		<p>được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đồ chơi, trò chơi, các vật dụng có tính năng tương tự.</li> </ul>	
4	<b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>		
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>o. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>o. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành, <b>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</b></p>	<p><b>Điều 12: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.</p>
5	<b>Điều 15. Đại diện theo ủy quyền</b>		
	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>[...]</p> <p>a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của chính Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp, <b>trường hợp Người Được Ủy Quyền Dự Họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật;</b></p> <p>b. Trường hợp Cổ Đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp, <b>trường hợp Người Được Ủy Quyền Dự Họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật</b></p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p><b>Điều 16.</b> Điều lệ mẫu trong Thông tư 95.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
6	<b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>		
	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>d. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p><b>Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:</p> <p>1. Công ty đại chúng phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty đại chúng phải quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông;</p>
7	<b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>		
	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, <b>bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau:</b></p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
		<p>b) Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p>	
8	<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>		
	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</b></p>	<p>Sửa cho phù hợp với Quy định tại Khoản 3 Điều 11, Điều lệ hiện hành</p>
	Chưa quy định	<p><b>5. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
			<p>trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; <b>hoặc đã</b></p>	<p><b>Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
		là thành viên Hội đồng quản trị tại trên 05 công ty khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	
9	<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>		
	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]	[...]	
	e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nằm trong kế hoạch và ngân sách vượt quá 10% Vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại báo cáo tài chính hợp nhất;	e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, phương án đầu tư, dự án đầu tư, việc vay nợ, và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng tài sản được ghi nhận tại Báo cáo tài chính hợp nhất; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.	Làm rõ hơn theo quy định tại điều lệ mẫu
	k. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung: - Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại - Đề xuất việc phát hành trái phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền	Bổ sung theo điều lệ mẫu thông tư 95
	f. Việc mua bán cổ phần của những công ty khác	f. Việc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài	Làm rõ hơn theo quy định tại điều lệ mẫu thông tư 95
	Chưa quy định về trách nhiệm liên quan đến quy chế nội bộ về quản trị công ty	Bổ sung: h. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;	<b>Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>



STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
			4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 7 Nghị định này;
10	<b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>		
	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. <b>Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và/hoặc pháp luật có quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành của Công ty.</b>	<b>Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.
11	<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>		
	3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị; c) Ban kiểm soát.	3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị; c) Ban kiểm soát <b>hoặc thành viên độc lập;</b>	<b>Luật doanh nghiệp 2014:</b> <b>Điều 153. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b> 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc <b>thành viên độc lập;</b> b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
			<p>d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>
	<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết/quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự họp khi (i) họ tham gia trực tiếp; hoặc (ii) thông qua người đại diện (người được ủy quyền); hoặc (iii) có phiếu biểu quyết hợp lệ; hoặc (iv) tham gia cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</p>	<p>Cập nhật phù hợp với thực tế vận hành</p>
12	<p><b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	<p><b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b></p>	<p><b>Có bổ sung thêm Người phụ trách quản trị công ty bên cạnh Thư ký công ty</b></p>
13	<p><b>Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p>		
	<p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Bổ sung phù hợp với thực tế vận hành</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
	<p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>f. Tuyển dụng lao động;</p> <p>g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, <b>bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</b></p> <p>c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>f. Tuyển dụng lao động;</p> <p>g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p><b>h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định liên quan.</b></p>	
<b>14</b>	<b>Điều 30. Thư ký Công ty</b>	<b>Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty</b>	<b>Bổ sung Người phụ trách quản trị Công ty</b>
	<p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời</p>	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm <b>Người phụ trách quản trị công ty và/hoặc kiêm nhiệm</b> Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm <b>Người phụ trách quản trị Công ty và</b> Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ</p>	<p><b>Điều 18. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
	<p>điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>lý <b>Người phụ trách quản trị công ty</b> và Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p><b>2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</b></p> <p><b>3. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty bao gồm:</b></p> <p><b>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</b></p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. <b>Tham dự các cuộc họp;</b></p> <p>e. <b>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</b></p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>g. <b>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</b></p> <p><b>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</b></p> <p><b>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.</b></p>	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p> <p>h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
15	<b>Điều 31. Thành viên Ban kiểm soát</b>		
	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba 03 đến năm 05 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p>	<p>1. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên ban kiểm soát không được là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p>	<p><b>Điều 20. Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>
	<p>Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về Kế toán</p>	<p>2. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</p>	<p><b>Điều 20. Kiểm soát viên</b></p> <p>4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p>
	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ</p>	<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40%</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
	40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	
	5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;	6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; <b>hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật;</b>	Bổ sung thêm trường hợp từ đủ điều kiện trở thành không đủ điều kiện
<b>16</b>	<b>Điều 32. Ban kiểm soát</b>		
	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 165</b> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, <b>và những quyền hạn và trách nhiệm sau đây</b>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2014
	2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát	2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. <b>Người phụ trách quản trị công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các thành viên ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</b>	Bổ sung thêm vai trò của người phụ trách quản trị công ty

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
17	X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	X. <b>TRÁCH NHIỆM</b> CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	Chuyển từ “nhiệm vụ” thành “trách nhiệm” theo đúng nội dung của chương
18	Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
	Chưa có quy định về công khai các lợi ích liên quan	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	<b>Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
	Chưa có quy định về sử dụng thông tin chưa được công bố để giao dịch	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	<b>Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b> 5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
	Chưa có quy định về giao dịch với cổ đông	5. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân. 6. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và là người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường	<b>Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b> 1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
		<p>hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 1/7/2015 theo quy định tại khoản 6 điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p> <p>7. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 9,10 điều này.</p>	<p>và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;  b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;  b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
			c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.
	<p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>8. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>9. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác, Công ty không được thực hiện giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với (i) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 điều 159 Luật doanh nghiệp.</p> <p>10. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm 9 điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p>	<p><b>Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b></p> <p>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty đại chúng không được thực hiện giao dịch sau:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</li> </ul>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
			<p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.</p>
	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội</p>	<p>[...]</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <b>nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản</b> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành</b> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng <b>có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản</b> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành</b> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông</p>	<p>Đối tượng quy định là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>Cập nhật hạn mức theo quy định tại NĐ 71</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
	<p>đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
19	<b>Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b>		
	<p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán <b>và nộp cho cơ quan hữu quan khác theo các quy định của pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung theo thực tế vận hành</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý - NĐ71
	<p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty, và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK Hồ Chí Minh, đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc, kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán.</p>	<p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty, và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK Hồ Chí Minh.</p>	<p>Bỏ việc đăng BCTC trên báo, phù hợp với thực tế vận hành</p>